

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG BỘ HẢI PHÒNG**

**(Nay là Công ty CP Đường Bộ Hải Phòng)**

*Cho giai đoạn từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2015*

*(đã được kiểm toán)*

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	<b>1 - 2</b>
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	<b>3 - 4</b>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7 - 8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 21



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG BỘ HẢI PHÒNG (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2015.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

*Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:*

Ông Trần Văn Phúc	Chủ tịch	Bổ nhiệm theo BB họp HĐQT ngày 07/12/2015
Ông Triệu Hạo Nhiên	Thành viên	
Ông Nguyễn Đạt Hạnh	Thành viên	
Ông Bùi Anh Việt	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Văn	Thành viên	

*Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:*

Ông Triệu Hạo Nhiên	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm theo QĐ số 45/QĐ-ĐB-TCHC ngày 20/01/2016
Ông Vũ Tiến Dũng	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc	Đang chờ quyết định nghỉ hưu
Ông Nguyễn Đạt Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm theo QĐ số 47/QĐ-ĐB-TCHC ngày 20/01/2016)
Ông Chu Trọng Hợp	Phó Tổng Giám đốc	Đã nghỉ hưu vào tháng 3/2015

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán An Phát AFC (APS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mặc dù được bổ nhiệm theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 07 tháng 12 năm 2015 nhưng ông Trần Văn Phúc vẫn thay mặt Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/12/2015. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân



**CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG BỘ HẢI PHÒNG**  
SỐ 77 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng

---

thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/12/2015, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

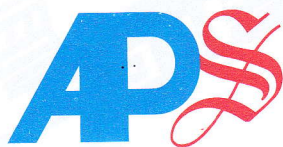
Hải Phòng, ngày 22 tháng 03 năm 2016

**TM. Ban giám đốc**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**



**Trần Văn Phúc**



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÁT AFC**

**AN PHAT AFC AUDITING CO., LTD**

Số 1/11/1395, Đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam

Tel: 84 93 680 7769/ 0313 539969/ 0313 539666 \* Fax: 0313 539789 \* Email: ktanphat@gmail.com

Số: 46 /2016/BC.KTTC - APS

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Chủ tịch và Ban Giám đốc  
Công ty TNHH MTV Đường bộ Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG BỘ HẢI PHÒNG, được lập ngày 22/03/2016, từ trang 05 đến trang 21 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2015.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Đường bộ Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng



nữ kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giai đoạn từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2015, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề nhấn mạnh**

Mặc dù được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0200171838 ngày 24 tháng 12 năm 2015 nhưng Báo cáo giai đoạn chuyển đổi vẫn được lập từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/12/2015.

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2016

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN  
AN PHÁT AFC**

**Phó Tổng Giám đốc**



**NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2299-2015-078-1

**Kiểm toán viên**

**TRẦN THỊ HƯƠNG**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 1420-2015-078-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	TM	31/12/2015	01/07/2014
			VND	VND
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN		<u>4.172.546.190</u>	<u>6.667.742.052</u>
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.894.139.058	651.950.232
111	1 Tiền		1.894.139.058	651.950.232
120	II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn		1.051.032.557	1.797.640.333
131	1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	73.345.000	64.237.494
132	2 Trả trước cho người bán ngắn hạn		464.357.607	1.067.511.744
136	3 Phải thu ngắn hạn khác	6	513.329.950	665.891.095
140	IV Hàng tồn kho		1.131.659.575	4.198.066.747
141	1 Hàng tồn kho	7	1.131.659.575	4.198.066.747
150	V Tài sản ngắn hạn khác		95.715.000	20.084.740
152	1 Thuế GTGT được khấu trừ			20.084.740
153	2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	95.715.000	
200	B TÀI SẢN DÀI HẠN		<u>10.344.463.219</u>	<u>12.543.669.511</u>
210	I Các khoản phải thu dài hạn			
220	II Tài sản cố định		8.320.810.570	11.470.416.862
221	1 Tài sản cố định hữu hình	9	8.320.810.570	11.470.416.862
222	<i>Nguyên giá</i>		32.572.761.582	33.351.250.692
223	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		(24.251.951.012)	(21.880.833.830)
230	III Bất động sản đầu tư			
240	IV Tài sản dở dang dài hạn		950.400.000	
242	1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	950.400.000	
250	V Đầu tư tài chính dài hạn		868.240.000	868.240.000
252	1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4	868.240.000	868.240.000
260	VI Tài sản dài hạn khác		205.012.649	205.012.649
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	8	205.012.649	205.012.649
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>14.517.009.409</u>	<u>19.211.411.563</u>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	TM	31/12/2015	01/07/2014
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>4.917.708.777</b>	<b>8.611.100.355</b>
<b>310</b>	<b>I Nợ ngắn hạn</b>		<b>4.392.708.777</b>	<b>8.041.100.355</b>
311	1 Phải trả người bán ngắn hạn	11	2.665.629.073	4.044.698.737
312	2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn		331.918.210	135.079.685
313	3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	398.426.500	82.155.909
314	4 Phải trả người lao động		360.241.199	1.422.344.630
315	5 Chi phí phải trả ngắn hạn	13	75.416.000	380.155.827
318	6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		10.080.000	
319	7 Phải trả ngắn hạn khác	14	50.997.795	759.379.883
320	8 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	500.000.000	1.000.000.000
322	9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi			217.285.684
<b>330</b>	<b>II Nợ dài hạn</b>		<b>525.000.000</b>	<b>570.000.000</b>
337	1 Phải trả dài hạn khác	14	525.000.000	570.000.000
<b>400</b>	<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>9.599.300.632</b>	<b>10.600.311.208</b>
<b>410</b>	<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>22.494.370.730</b>	<b>20.627.489.332</b>
411	1 Vốn góp của chủ sở hữu		22.000.000.000	25.157.252.917
416	2 Chênh lệch đánh giá lại tài sản			(4.574.792.898)
418	3 Quỹ đầu tư phát triển			45.029.313
421	4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		494.370.730	
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		494.370.730	
<b>430</b>	<b>II Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>		<b>(12.895.070.098)</b>	<b>(10.027.178.124)</b>
431	1 Nguồn kinh phí	17	(12.895.070.098)	(10.027.178.124)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>14.517.009.409</b>	<b>19.211.411.563</b>

Người lập

Phụ trách kế toán

Hải Phòng, ngày 22 tháng 03 năm 2016

Chủ tịch HĐQT

ĐẶNG SAO CHI

NGUYỄN THỊ THU HIỀN

TRẦN VĂN PHÚC





## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Hoạt động kinh doanh)  
giai đoạn từ 01/07/2014 đến 31/12/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Kỳ này VND
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	65.030.537.259
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		
10	3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		65.030.537.259
11	4 Giá vốn hàng bán		64.051.543.914
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		978.993.345
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	19	159.258.980
22	7 Chi phí tài chính		
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		
24	8 Chi phí bán hàng		
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp		539.148.885
30	10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		599.103.440
31	11 Thu nhập khác		14.746.307
32	12 Chi phí khác		11.937.916
40	13 Lợi nhuận khác		2.808.391
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		601.911.831
51	15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	20	107.541.101
52	16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
60	17 Lợi nhuận sau thuế TNDN		494.370.730

Người lập

Phụ trách kế toán

Hải Phòng, ngày 22 tháng 03 năm 2016  
Chủ tịch HĐQT

ĐẶNG SAO CHI

NGUYỄN THỊ THU HIỀN

TRẦN VĂN PHÚC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Hoạt động công ích)  
giai đoạn từ 01/07/2014 đến 31/12/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Kỳ này VND
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	63.927.729.161
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		
10	3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		63.927.729.161
11	4 Giá vốn hàng bán		63.365.257.450
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		562.471.711
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính		
22	7 Chi phí tài chính		75.000.000
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		
24	8 Chi phí bán hàng		
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp		3.681.890.352
30	10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.194.418.641)
31	11 Thu nhập khác		
32	12 Chi phí khác		
40	13 Lợi nhuận khác		
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(3.194.418.641)
51	15 Chi phí thuế TNDN hiện hành		
52	16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
60	17 Lợi nhuận sau thuế TNDN		(3.194.418.641)

Người lập

Phụ trách kế toán

Hải Phòng, ngày 22 tháng 03 năm 2016  
Chủ tịch HĐQT

  
ĐẶNG SAO CHI

  
NGUYỄN THỊ THU HIỀN

  
TRẦN VĂN PHÚC



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

giai đoạn từ 01/07/2014 đến 31/12/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Kỳ này VND
	<b>I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
01	1 Lợi nhuận trước thuế		601.911.831
	2 Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		3.141.789.462
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(317.123.968)
06	- Chi phí lãi vay		75.000.000
08	3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.501.577.325
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		670.977.516
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		3.066.407.172
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả không kê lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp		(3.247.443.973)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(60.000.000)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(68.488.706)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.867.891.974)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		995.137.360
	<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(950.400.000)
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		165.681.818
27	3 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		159.258.980
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(625.459.202)
	<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
31	1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		7.700.000.000
32	2 Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(6.327.489.332)
33	3 Tiền thu từ đi vay		500.000.000
34	4 Tiền trả nợ gốc vay		(1.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		872.510.668
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.242.188.826
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		651.950.232
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	1.894.139.058

Người lập

Phụ trách kế toán

Hải Phòng, ngày 22 tháng 03 năm 2016

Chủ tịch HĐQT



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/12/2015

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH một thành viên Đường bộ Hải Phòng được chuyển đổi từ Công ty Đường bộ Hải Phòng theo Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 29/6/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200171838 ngày 02/7/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng.

**Trụ sở chính:** Số 77 Nguyễn Đức Cảnh, phường An Biên, quận Lê Chân, Hải Phòng.

**Chủ sở hữu:** Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng

**Vốn điều lệ:** 24.131.218.578 VND

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Vũ Tiến Dũng, chức danh: Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc, sinh ngày 04/08/1956, giấy CMND số: 030712135 do Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 19/04/2005.

**Lĩnh vực hoạt động:** Vận tải, xây dựng, thương mại, dịch vụ

#### Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Xây dựng, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì, các công trình dân dụng công nghiệp, giao thông; Vận tải hành khách bằng xe buýt; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hàng hóa bằng Đường bộ; Vận tải hành khách bằng đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải; Hoạt động dịch vụ trông coi các phương tiện giao thông Đường bộ; Xây dựng nhà các loại; Cho thuê ô tô; Cho thuê phương tiện vận tải thủy; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng, san lấp mặt bằng; Bán buôn sắt thép; Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm có liên quan; Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan; Thiết kế kết cấu các công trình giao thông Đường bộ, cầu, hầm.

#### Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/12/2015 là giai đoạn chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH một thành viên sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 25/3/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0200171838 ngày 24 tháng 12 năm 2015 thì Vốn điều lệ của Công ty cổ phần là 22.000.000.000 VND; Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Trần Văn Phúc, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị, sinh ngày 25/11/1960, giấy CMND số: 030975275 do Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 06/8/2010.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/12/2015 là giai đoạn chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH một thành viên sang Công ty cổ phần.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



## 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## 2.3. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

## 2.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền\* và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

## 2.7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc thiết bị	05 - 13 năm
Phương tiện vận tải	08 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	6 năm

200689  
CÔNG  
RÁCH NH  
KIẾ  
AN P  
HOANG

## **2.8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## **2.9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Chi nhánh và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

## **2.10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

## **2.11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## **2.12. Nguyên tắc ghi nhận tiền lương và các khoản trích theo lương**

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương, các khoản lương khoán theo năng suất và phụ cấp đã được thỏa thuận trên Hợp đồng lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương căn bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương căn bản vào chi phí là 2% trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

## **2.13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

059 -  
CÔNG TY  
M HỮU  
TOÁN  
HẬT A  
VAI -

## 2.14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Hoạt động dịch vụ Công ích:

- Vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.
- Hoạt động chạy phà

Hoạt động kinh doanh: Các hoạt động kinh doanh ngoài công ích

*Doanh thu cung cấp dịch vụ được đơn vị ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:*

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

- Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo các hồ sơ nghiệm thu quyết toán được khách hàng xác nhận
- Một số khoản doanh thu trong năm đang được ghi nhận theo hoá đơn tài chính phát hành và tiền chuyển về của chủ đầu tư, chưa có biên bản xác nhận khối lượng công việc thực hiện có xác nhận của khách hàng.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế

môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

### **2.18. Nguyên tắc ghi nhận các khoản thuế**

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Hoạt động dịch vụ Công ích : Không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động kinh doanh: Các hoạt động kinh doanh ngoài công ích Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

### **2.19. Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt với Công ty. Theo đó:

- Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, chủ sở hữu, được coi là bên liên quan của công ty.
- Công ty CP xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng có 20% vốn điều lệ do Công ty nắm giữ, được coi là bên liên quan của Công ty.
- Các thành viên Ban giám đốc được coi là bên liên quan của Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 22.





## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/07/2014
	VND	VND
Tiền mặt	61.521.136	103.140.000
Tiền gửi không kỳ hạn	1.821.942.922	518.756.232
Ngân hàng TMCP An Bình-CN Hải Phòng	787.591.771	174.087.941
Ngân hàng TMCP Hàng Hải-CN Hải Phòng	784.023.690	344.668.291
Ngân hàng Techcombank-CN Hải Phòng	2.807.954	
Kho bạc Nhà nước	247.519.507	
Tiền đang chuyển	10.675.000	30.054.000
Cộng	<u>1.894.139.058</u>	<u>651.950.232</u>

## 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vốn góp vào đơn vị khác

	31/12/2015			01/07/2014		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty liên kết	868.240.000	868.240.000		868.240.000	868.240.000	
Cộng	<u>868.240.000</u>	<u>868.240.000</u>		<u>868.240.000</u>	<u>868.240.000</u>	

Khoản tiền góp vốn vào Công ty XD công trình đường bộ Hải Phòng tương đương 86.824 cổ phiếu, chiếm 20% vốn điều lệ.

## 5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và thời hạn

	31/12/2015	01/07/2014
	VND	VND
Ngắn hạn		
Cầu tàu DL Bính-HTX VT Thống Nhất	59.020.000	
CH xăng dầu Kiến An	10.660.000	41.235.494
Các đối tượng khác	3.665.000	23.002.000
Cộng	<u>73.345.000</u>	<u>64.237.494</u>

## 6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/07/2014	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Phải thu về cổ phần hóa			12.300.000	
Phải thu KPCĐ của các đội			286.410.000	
Tạm ứng	130.250.450		367.181.095	
Cầm cố bảo lãnh ngắn hạn	383.079.500			
Cộng	<u>513.329.950</u>		<u>665.891.095</u>	



7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/07/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	938.648.424		1.094.269.878	
Công cụ dụng cụ	33.532.927		44.834.211	
Chi phí SXKD dở dang	159.478.224		2.764.707.742	
Hàng hóa			294.254.916	
<b>Cộng</b>	<b>1.131.659.575</b>		<b>4.198.066.747</b>	

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/07/2014
	VND	VND
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	205.012.649	205.012.649
<b>Cộng</b>	<b>205.012.649</b>	<b>205.012.649</b>

9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

(Phụ lục 01 - trang 20)

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2015	01/07/2014
	VND	VND
Chi phí mua sắm TSCĐ (*)	950.400.000	
<b>Cộng</b>	<b>950.400.000</b>	

(\*): Là lệ phí trước bạ của 20 xe buýt sẽ được giao theo công văn số 2089/SGTVT-TĐXD ngày 18/12/2014 của Sở giao thông vận tải thành phố Hải Phòng

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/07/2014	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả
	VND	trả nợ	VND	năng
		VND	trả nợ	VND
Ngắn hạn	2.665.629.073	2.665.629.073	4.044.698.737	4.044.698.737
Công ty CP đầu tư phát triển Phú Đức Quang	201.404.820	201.404.820	1.461.380.000	1.461.380.000
Phạm Thu Hằng - Đội 5			1.341.063.003	1.341.063.003
Công ty CP XD Giao thông HP-Crông	1.312.222.808	1.312.222.808		
XN xăng dầu K131	825.012.644	825.012.644	583.273.719	583.273.719
Các đối tượng khác	326.988.801	326.988.801	658.982.015	658.982.015
<b>Cộng</b>	<b>2.665.629.073</b>	<b>2.665.629.073</b>	<b>4.044.698.737</b>	<b>4.044.698.737</b>

89059 -  
CÔNG TY  
NHIỆM HỮU  
KẾ TOÁN  
PHÁT A  
G MAI - T

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/07/2014	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	40.558.467	2.084.368.555	1.787.883.017	337.044.005
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.330.100	107.541.101	68.488.706	61.382.495
Thuế nhà đất		230.500.500	326.215.500	(95.715.000)
Thuế môn bài		3.000.000	3.000.000	
Các loại thuế khác	19.267.342		19.267.342	
Phí, lệ phí		950.400.000	950.400.000	
<b>Cộng</b>	<b>82.155.909</b>	<b>3.375.810.156</b>	<b>3.155.254.565</b>	<b>302.711.500</b>

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015	01/07/2014
	VND	VND
Chi phí công trình	60.416.000	380.155.827
Lãi tiền vay	15.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>75.416.000</b>	<b>380.155.827</b>

14 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/07/2014
	VND	VND
<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>	<b>50.997.795</b>	<b>759.379.883</b>
Kinh phí công đoàn		171.606.578
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	37.044.319	396.566.315
Phải trả về cổ phần hóa	10.143.286	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.810.190	191.206.990
<b>Phải trả khác dài hạn</b>	<b>525.000.000</b>	<b>570.000.000</b>
Nhận ký quỹ của nhận viên bán vé tàu và lái xe buýt	525.000.000	570.000.000
<b>Cộng</b>	<b>575.997.795</b>	<b>1.329.379.883</b>

15 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (Phụ lục 02 - trang 21)

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm nay	25.157.252.917	(4.574.792.898)	45.029.313		20.627.489.332
Tăng vốn năm nay	7.700.000.000				7.700.000.000
Kết chuyển nguồn	(4.529.763.585)	4.574.792.898	(45.029.313)		
Lãi trong năm nay				494.370.730	494.370.730
Giảm vốn trong năm nay	(6.327.489.332)				(6.327.489.332)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>22.000.000.000</b>			<b>494.370.730</b>	<b>22.494.370.730</b>

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Thực hiện đến 31/12/2015	
	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	14.300.000.000	65,00%
Vốn góp của các đối tượng khác	7.700.000.000	35,00%
<i>Công ty CP đầu tư phát triển Phú Đức Quang</i>	<i>2.200.000.000</i>	<i>10,00%</i>
<i>Người lao động, nhà đầu tư khác</i>	<i>5.500.000.000</i>	<i>25,00%</i>
<b>Cộng</b>	<b>22.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**17 . NGUỒN KINH PHÍ**

	31/12/2015	01/07/2014
	VND	VND
Nguồn kinh phí du tị, sửa chữa công trình	(1.277.732.333)	(2.604.259.000)
Nguồn kinh phí hoạt động xe buýt	(7.703.832.074)	(5.170.240.629)
Nguồn kinh phí hoạt động phà	(3.913.505.691)	(2.252.678.495)
<b>Cộng</b>	<b>(12.895.070.098)</b>	<b>(10.027.178.124)</b>

**18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này
	VND
<i>Hoạt động công ích</i>	<i>63.927.729.161</i>
Thu từ hoạt động xe buýt	34.733.525.000
Thu từ hoạt động phà	29.194.204.161
<i>Hoạt động kinh doanh</i>	<i>65.030.537.259</i>
Doanh thu hoạt động thi công, duy tu, sửa chữa	45.959.370.351
Doanh thu Bến đò Bính	1.650.218.183
Doanh thu bán xăng dầu	15.044.898.366
Doanh thu xây dựng và dịch vụ khác	2.376.050.359
<b>Cộng</b>	<b>128.958.266.420</b>

**19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này
	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	34.232.420
Cổ tức được chia	125.026.560
<b>Cộng</b>	<b>159.258.980</b>

**20 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Kỳ này
	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	601.911.831
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm	(113.088.644)
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN</i>	<i>11.937.916</i>
<i>Chi phạt chậm nộp thuế</i>	<i>(125.026.560)</i>
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>488.823.187</i>
Thu nhập chịu thuế TNDN	22%
Thuế suất	
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>107.541.101</b>



## 21 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Ngày 24 tháng 12 năm 2015, Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ nhất do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Ngoài ra, không còn sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

## 22 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này</u>
	VND
<b>Nhận cổ tức</b>	
Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng	125.026.560

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/07/2014</u>
	VND	VND
<b>Góp vốn</b>		
Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng	868.240.000	868.240.000
<b>Vay tiền</b>		
Ông Vũ Tiến Dũng	50.000.000	150.000.000
Ông Triệu Hạo Nhiên	50.000.000	100.000.000
Ông Nguyễn Đạt Hạnh	50.000.000	100.000.000

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

	<u>Kỳ này</u>
	VND
Thu nhập của Ban giám đốc	284.367.600

## 23 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo tài chính được lập cho giai đoạn từ 01/07/2014 đến 31/12/2015 nên số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không có.

Người lập

ĐẶNG SAO CHI

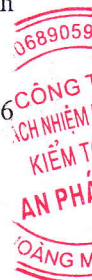
Phụ trách kế toán

NGUYỄN THỊ THU HIỀN

Hải Phòng, ngày 22 tháng 03 năm 2016



TRẦN VĂN PHÚC



**PHỤ LỤC 1: TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số dư đầu năm	7.616.745.782	2.935.863.144	22.732.573.766	66.068.000	33.351.250.692
Thanh lý	(114.000.000)	(114.000.000)	(664.489.110)		(778.489.110)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.616.745.782</b>	<b>2.821.863.144</b>	<b>22.068.084.656</b>	<b>66.068.000</b>	<b>32.572.761.582</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	2.753.321.244	2.013.421.977	17.068.210.059	45.880.550	21.880.833.830
Khấu hao trong năm	274.892.413	243.320.800	2.607.059.250	16.516.999	3.141.789.462
Thanh lý	(106.183.170)	(106.183.170)	(664.489.110)		(770.672.280)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.028.213.657</b>	<b>2.150.559.607</b>	<b>19.010.780.199</b>	<b>62.397.549</b>	<b>24.251.951.012</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	4.863.424.538	922.441.167	5.664.363.707	20.187.450	11.470.416.862
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>4.588.532.125</b>	<b>671.303.537</b>	<b>3.057.304.457</b>	<b>3.670.451</b>	<b>8.320.810.570</b>

**PHỤ LỤC 02: VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Vay ngắn hạn	31/12/2015		Trong năm		01/07/2014
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị
	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	500.000.000	500.000.000	500.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Nhân viên Công ty	Loại tiền	Lãi suất	31/12/2015	01/07/2014
			VND	VND
Vũ Tiến Dũng	VND	1%	50.000.000	150.000.000
Trần Văn Phúc	VND	1%	50.000.000	100.000.000
Triệu Hạo Nhiên	VND	1%	50.000.000	50.000.000
Phạm Ngọc An	VND	1%	50.000.000	100.000.000
Nguyễn Đạt Hạnh	VND	1%	50.000.000	100.000.000
Cao Thúy Vân Anh	VND	1%	50.000.000	100.000.000
Lê Đức Thiện	VND	1%	50.000.000	100.000.000
Phùng Mai Hương	VND	1%	50.000.000	50.000.000
Nguyễn Thị Minh	VND	1%	50.000.000	100.000.000
Nguyễn Thu Hiền	VND	1%	50.000.000	100.000.000
Chu Trọng Hợp	VND	1%	50.000.000	100.000.000
Nguyễn Văn Phái	VND	1%	50.000.000	100.000.000
Nguyễn Thị Sáu	VND	1%	50.000.000	50.000.000
			<b>500.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>

